

SSIAM VNFIN LEAD ETF



THÔNG TIN QUỸ – THÁNG 02/2022

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

TÊN QUỸ	SSIAM VNFIN LEAD ETF
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG	24/02/2020
QUY MÔ QUỸ	3.824,05 Đồng (~168,1 triệu USD) (tại ngày 28/02/2022)
TIỀN TỆ	VNĐ
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0,65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	165.500.000

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	19
HỆ SỐ P/E	12,12x
HỆ SỐ P/B	2,13x

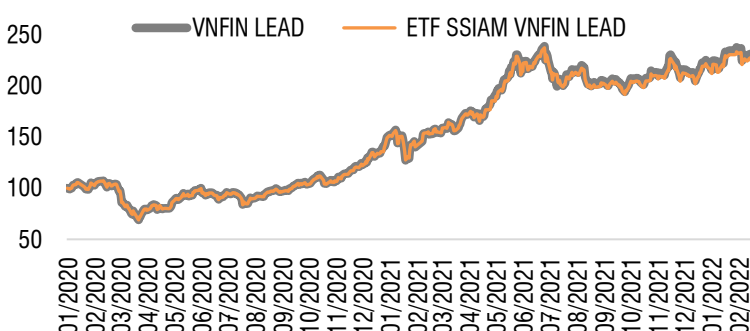
Nguồn: Bloomberg, SSIAM

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (VNĐ)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập
ETF SSIAM VNFIN LEAD	22.614,30	-1,77%	4,71%	3,40%	126,14%
VNFIN LEAD		-1,80%	4,71%	3,48%	129,86%

(* Ngày kết thúc đăng ký góp vốn: 10/01/2020.

Dữ liệu hoạt động để cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD Index

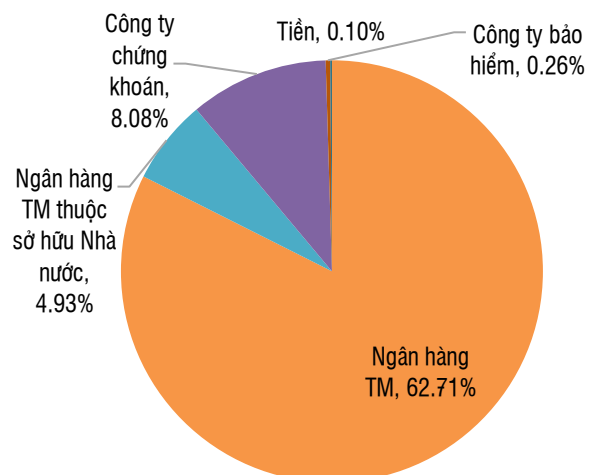
Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính -

VNAIShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho 25,2% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

CƠ CẤU DANH MỤC TẠI NGÀY 28/02/2022 (%NAV)

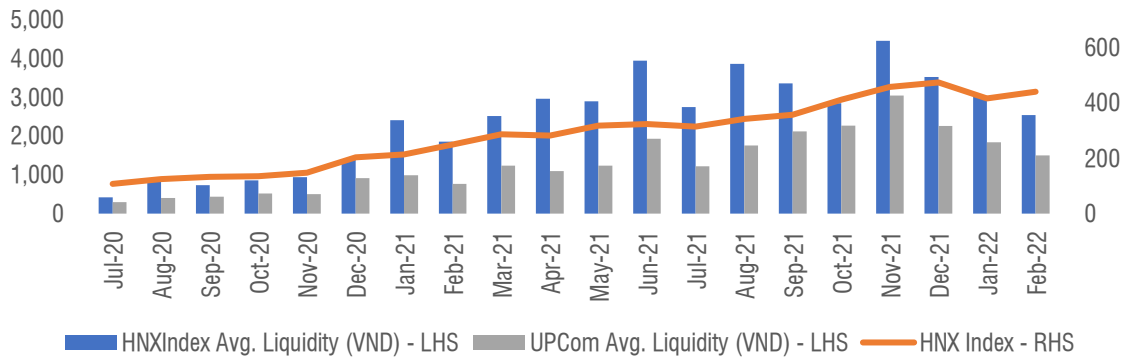


CẬP NHẬT TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Nếu chúng ta chỉ xét bề mặt lợi nhuận của VN-Index vào tháng 2 là 0,77% (so với -1,20% vào tháng 1) thì chúng ta mới chỉ nhận thấy phần bề nổi của câu chuyện. Bên dưới sự tăng trưởng khiêm tốn này, nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình và nhỏ đã hồi phục mạnh mẽ sau đợt điều chỉnh sâu vào tháng 1 (tăng lần lượt +5,59% và +13,14% trong tháng 2 so với -9,26% và -14,74% trong tháng 1), trong khi nhóm VN30 giảm gần 1%, mức lợi nhuận thấp hơn so với cả chỉ số VN-Index. Sự phân hóa thị trường là một hiện tượng thú vị về hành vi và khẩu v rủi ro của nhóm đầu tư cá nhân, đặc biệt đối với nhóm vốn hóa trung bình và nhỏ, trong khi các cổ phiếu bluechip tiếp tục không được ưa chuộng.

Câu chuyện trở nên sáng rõ hơn khi chúng ta xét kỹ về thanh khoản, mặc dù giá phục hồi, thanh khoản của nhóm vốn hóa trung bình và nh (Mid & Small cap) vẫn ở mức thấp. Tổng GTGD trên sàn HNX và UpCom trong tháng 2 giảm còn khoảng một nửa từ mức đỉnh vào tháng 11 2021, và giảm 17% so với tháng 1-2022. Điều này cho thấy tâm lý của nhà đầu tư chưa được thuyết phục hoàn toàn để tích cực giải ngân vốn vào đầu tư vào các cổ phiếu Mid/Small Cap, bằng chứng là các nhà đầu tư vẫn thận trọng đứng bên lề dẫn đến thanh khoản thấp. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sự phục hồi tốt của nhóm MidCap và SmallCap bất chấp thanh khoản giảm chứng minh cho sự kiên cường của phân khúc này; những nhà đầu tư bắt con dao rơi vào tháng 2 đã được trả một cách hậu hĩnh với mức lợi nhuận tốt, do đó chúng tôi cho rằng đây có thể là chỉ báo khuyến khích các nhà đầu tư cá nhân trở lại với cổ phiếu Mid/Small cap.

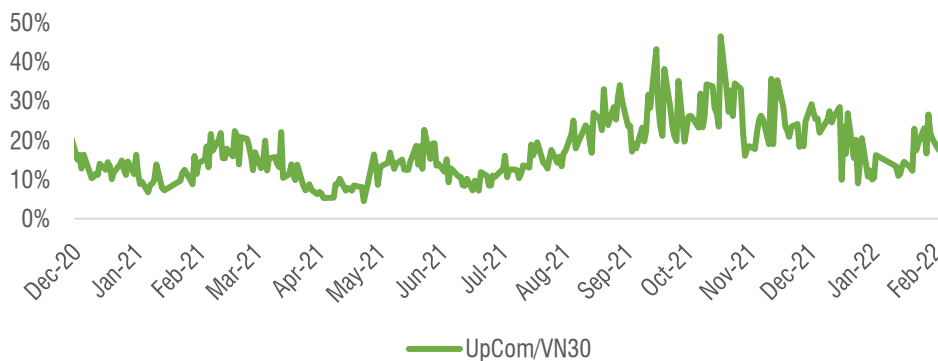
Thanh khoản trung bình HNX & UpCom (tỷ đồng)



(Nguồn: HNX, UpCom, SSIAM)

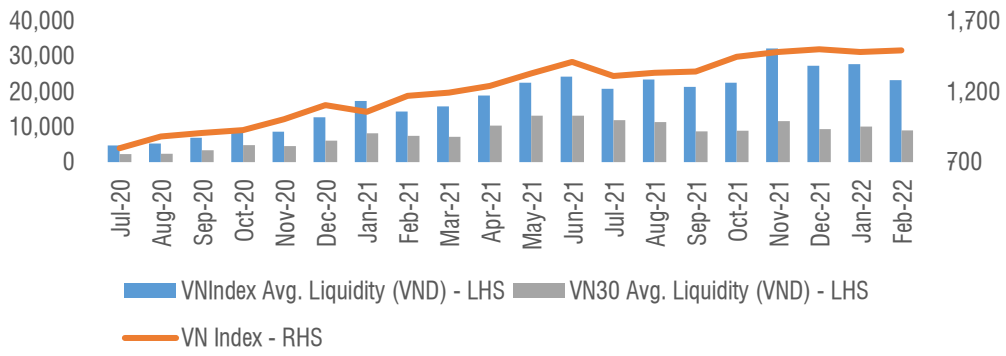
Đặc biệt về phân bố thanh khoản, chúng tôi thấy rằng tổng GTGD trên sàn UpCom so với VN30 tăng từ mức thấp 10% trong tháng 1 lên 20-25% trong một số phiên giao dịch vào tháng 2. Điều mà chúng tôi đúc kết được sau nhiều năm tham gia thị trường đó là thị trường thường có trí nhớ ngắn hạn, những khủng hoảng sẽ nhanh chóng bị lãng quên và sự hưng phấn sẽ quay trở lại. Như các phân tích đã cho thấy, tôi tin rằng đà tăng trưởng phục hồi sẽ mạnh hơn trong những tuần tới, dòng tiền quay trở lại với khuynh hướng đầu cơ. Mặc dù tôi không muốn thừa nhận, đây có thể sẽ là xu hướng của các nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao.

Phân bố thanh khoản - UpCom vs. VN30



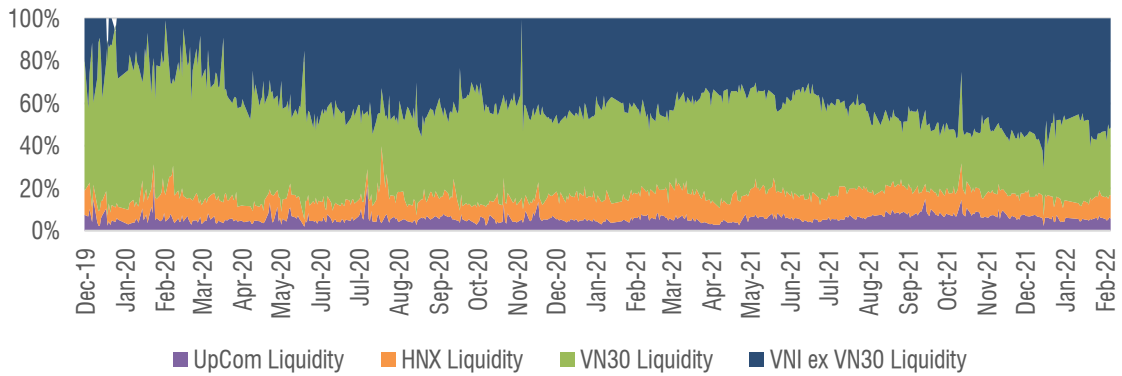
(Nguồn: HSX, UpCom, SSIAM)

Thanh khoản trung bình VNIndex và VN30 (tỷ đồng)



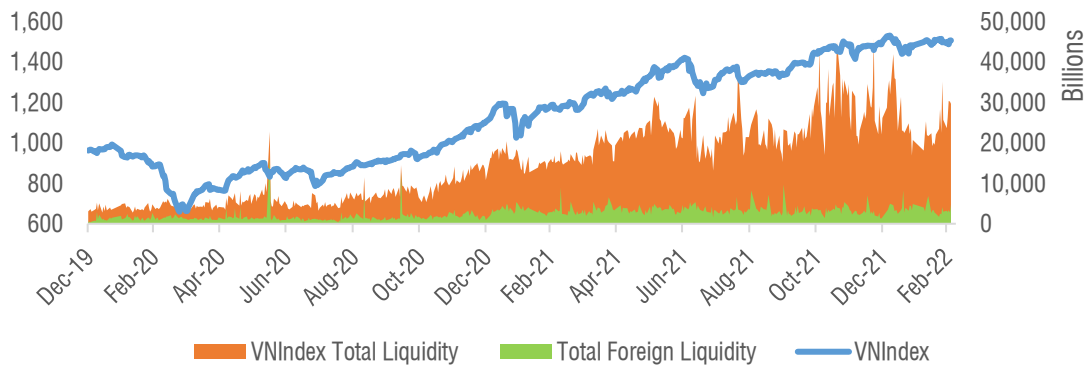
(Nguồn: HSX, SSIAM)

Phân bổ thanh khoản



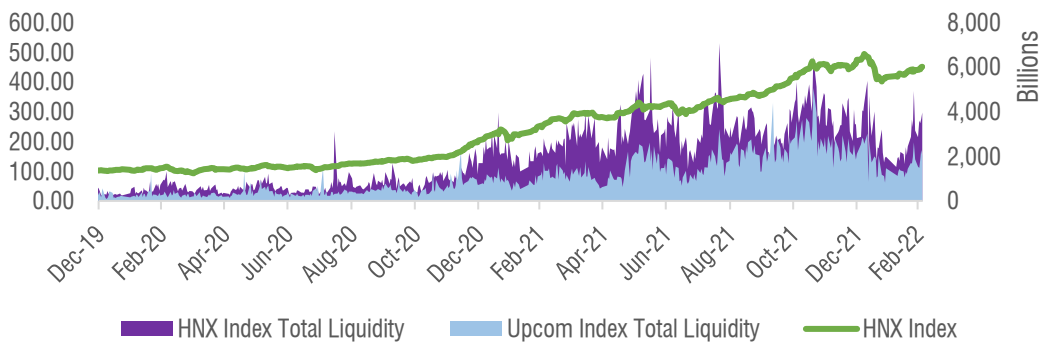
(Nguồn: HSX, HNX, UpCom, SSIAM)

Tổng thanh khoản VNIndex (đồng)



(Nguồn: HSX, SSIAM)

Tổng thanh khoản HNX (đồng)



(Nguồn: HNX, UpCom, SSIAM)

Mặt khác, với việc tài sản có chất lượng không được ưa chuộng được thể hiện rõ qua giao dịch VN30, chúng tôi tiếp tục khẳng định rằng đây là cơ hội tích lũy giá trị cho các nhà đầu tư có tầm nhìn chiến lược dài hạn về triển vọng kinh tế Việt Nam. Nhóm VN30, không phải nhóm vốn hóa nhỏ, sẽ là động lực dẫn dắt thị trường vào năm 2022. Theo quan điểm chúng tôi, câu chuyện cấu trúc của thị trường Việt Nam không có gì thay đổi với triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp tốt vào năm 2022 và P/E dự phóng là 10,7 lần (Bloomberg), mức định giá thấp và hợp lý. Do đó, chúng tôi tiếp tục khẳng định rằng SSIAM VN30 ETF của chúng tôi là khoản đầu tư giá trị cho các nhà đầu tư có tầm nhìn dài hạn tại Việt Nam, cùng với SSIAM VNX50 ETF với yếu tố tăng trưởng mạnh mẽ vượt trội với các cổ phiếu sẽ là thể hệ blue chip tiếp theo. Ngoài ra, SSIAM VNFin Lead ETF sẽ tiếp tục dẫn dắt hoạt động của VNIndex, do ngành tài chính đóng góp tỷ trọng 32% tổng vốn hóa thị trường và sẽ tiếp tục thúc đẩy phân bổ vốn để hỗ trợ nền kinh tế.

	1m	3m	6m	YTD	1Y	2Y	3Y	5Y
VNIndex	0.77%	1.12%	12.62%	-0.44%	29.03%	31.91%	17.51%	18.16%
VN 30	-0.98%	-1.14%	6.60%	-1.11%	30.31%	36.41%	20.11%	19.78%
VN 50	0.70%	3.05%	7.29%	-3.78%	32.27%	37.66%	21.22%	
VN 100	0.55%	-0.29%	11.18%	-1.99%	34.06%	38.62%	20.81%	19.97%
Mid Cap	5.59%	3.13%	27.99%	-4.18%	56.59%	61.04%	31.72%	22.68%
Small Cap	13.14%	0.98%	36.18%	-3.54%	85.01%	76.96%	44.30%	26.79%
VN Finlead	-1.80%	4.91%	14.54%	3.48%	50.67%	50.51%		
VN Diamond	1.64%	3.53%	15.17%	2.46%	46.39%	45.62%		
MSCI Frontier	-4.40%	-6.39%	-5.97%	-7.77%	9.99%	9.27%	7.86%	6.56%
MSCI Emerging	-3.01%	-2.98%	-9.70%	-4.85%	-10.44%	10.54%	6.37%	7.34%
Thailand	2.58%	7.83%	3.81%	2.04%	16.00%	15.52%	3.82%	4.77%
Indonesia	3.88%	5.66%	12.58%	4.69%	12.85%	14.81%	4.74%	7.49%
Malaysia	6.47%	6.50%	2.42%	2.72%	6.16%	8.00%	1.54%	2.34%
Philippines	0.30%	1.54%	-7.48%	1.97%	-3.71%	-0.10%	-4.66%	-0.43%
Shanghai	3.00%	-2.85%	-2.17%	-4.88%	0.79%	12.09%	8.03%	3.65%
Taiwan	0.13%	1.43%	1.40%	-3.10%	13.57%	28.78%	23.48%	16.72%
Korea	1.35%	-3.74%	-14.46%	-9.35%	-8.86%	18.89%	9.33%	7.39%
Pakistan	1.26%	-0.44%	-3.15%	-0.23%	2.61%	12.61%	6.91%	2.81%
Brazil	1.46%	11.83%	-4.71%	8.43%	2.87%	4.87%	6.92%	12.06%

(Nguồn: Bloomberg, SSIAM)

Điều quan trọng cần lưu ý là bất chấp những thách thức và đợt điều chỉnh sâu mà chúng ta đã thấy trong vòng 3 tháng qua, VNIndex vẫn là một ngôi sao tiêu biểu trên thị trường thế giới trong khoảng thời gian dài hạn. Thị trường Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ, tương tự như các thị trường mới nổi, cận biên (EM/FM) và các thị trường trong khu vực (Thái Lan, Indonesia, Malaysia). Sức mạnh kinh tế cơ bản của Việt Nam cho phép thị trường Việt Nam tương đối năng động và giảm ảnh hưởng từ các rủi ro vĩ mô toàn cầu, đây sẽ là một chủ đề quan trọng trong năm 2022 với những bất ổn địa chính trị gia tăng trên thế giới.

Bạn có biết rằng tỷ trọng xuất khẩu công-te-nơ của Việt Nam sang Mỹ chỉ đứng sau Trung Quốc (12% so với 67% tổng số công-te-nơ của Mỹ nhập khẩu từ châu Á). Đối với một nền kinh tế nhỏ hơn nhiều so với Trung Quốc, xuất khẩu của chúng ta sang Hoa Kỳ là lớn hơn trên tỉ lệ.

Thật vậy, định giá tiếp tục trở nên hấp dẫn trên cơ sở định giá dòng tiền tương lai với P/E dự phóng của VNI chỉ ở mức 10,7 lần (so với mức P/E trung bình lịch sử là 16-17 lần và mục tiêu 16 lần từ SSI Research). Các chỉ số VN30, VNX50 và VNFin Lead hấp dẫn hơn với P/E dự phóng lần lượt là 9,6 lần, 9,4 lần và 8,1 lần, được Bloomberg tổng hợp với dự báo tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp kỳ vọng tương đối cao.

	Trailing P/E	Forward P/E	P/B	Div Yield	ROE	Beta vs. VNI	Sharpe
Vietnam	17.0x	10.7x	2.6x	1.12%	15.56%	1.00	2.12
VN 30	13.9x	9.6x	2.7x	0.73%	19.99%	0.96	2.09
VN 50	14.0x	9.4x	2.6x	0.69%	18.93%	1.01	2.15
VN 100	14.7x	9.7x	2.6x	0.75%	17.69%	1.00	2.39
VN Mid Cap	16.5x		2.2x	0.80%	13.61%	1.14	-0.44
VN Small Cap	13.2x		1.7x	1.66%	12.46%	1.03	n/a
VN Finlead	12.1x	8.1x	2.1x	0.31%	18.00%	1.17	2.26
VN Diamond						0.96	n/a
MSCI Frontier	12.6x	9.4x	2.0x	2.91%	16.39%	0.56	1.31
MSCI Emerging	12.9x	10.8x	1.7x	2.60%	14.01%	0.45	-0.66
Thailand	13.0x	15.8x	1.8x	2.64%	9.80%	0.36	1.43
Indonesia					8.67%	0.38	0.94
Malaysia	15.4x	14.2x	1.6x	4.41%	10.45%	0.32	0.34
Philippines	10.2x	13.1x	1.3x	1.83%	11.09%	0.35	n/a
Shanghai	14.8x	10.0x	1.6x	2.07%	9.47%	0.36	-0.10
Taiwan	14.0x	12.7x	2.3x		16.45%	0.38	0.91
Korea	11.8x	9.4x	1.0x	1.82%	9.57%	0.44	-0.88
Pakistan	7.6x	6.2x	1.5x	5.63%	19.19%	0.37	-0.47
Brazil	6.6x	7.8x	1.8x		26.79%	0.34	-0.15

(Nguồn: Bloomberg, SSIAM)

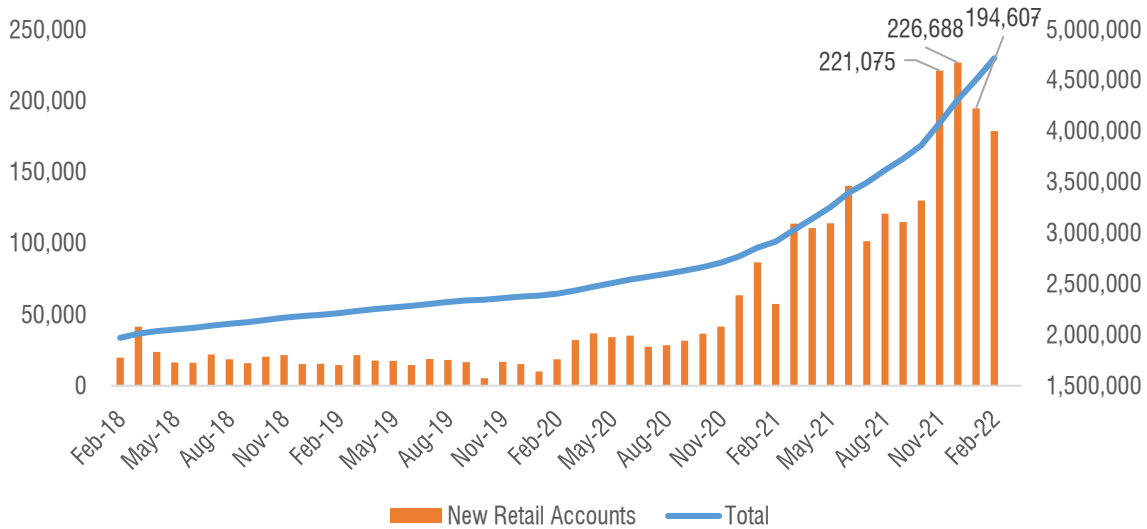
Từ góc độ phân bổ ngành, tháng 2 đi ngược lại với tháng 1. Ngành Tài Chính, là mỏ neo của chỉ số, sụt giảm (-3,16%) sau khi đã tăng trưởng mạnh vào tháng 1. Tương tự, Bất động sản giảm -6,09% trong tháng 2 khi dòng tiền chuyển qua các ngành có hiệu quả kém vào tháng 1. Đặc biệt, Vật liệu (+ 13,52%), Công nghiệp (+ 10,85%) và Hàng tiêu dùng (+ 4,77%) đóng góp nhiều nhất vào kết quả hoạt động của VNI trong tháng 2. Nhìn về tương lai, chúng tôi vẫn cho rằng Tài chính, Bất động sản, Vật liệu và Công nghiệp sẽ vẫn là động lực cơ cấu cho kết quả chỉ số VNI năm 2022, phù hợp với chủ đề nền kinh tế mở cửa trở lại và bình thường hóa sau đại dịch.

	1M		3M		6M		1Y	
	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %
VNIndex	0.77		1.12		12.62		29.03	
Financials	-3.16	-1.25	3.95	1.31	13.90	4.59	37.77	12.27
Real Estate	-6.09	-1.38	-7.57	-1.73	3.40	0.87	12.02	3.29
Consumer Discretionary	5.34	0.15	2.76	0.09	23.94	0.68	47.24	1.26
Consumer Staples	4.77	0.47	0.73	0.07	9.31	1.04	9.10	1.06
Information Technology	5.83	0.10	-3.98	-0.08	3.67	0.08	51.40	0.82
Materials	13.52	1.12	-4.44	-0.50	1.13	0.22	45.98	4.10
Industrials	10.85	0.93	5.95	0.50	35.21	2.57	45.10	3.32
Health Care	7.60	0.05	2.70	0.02	0.11	-0.01	23.07	0.18
Utilities	5.81	0.35	16.02	0.84	28.87	1.58	34.43	1.95
Communication Services	13.00	0.01	12.68	0.01	45.58	0.03	19.48	0.01
Energy	12.45	0.21	15.93	0.26	30.58	0.50	17.86	0.33
Not Classified	12.27	0.02	-5.84	-0.01	26.18	0.05	5.97	0.01

(Nguồn: Bloomberg, SSIAM)

Một trong những chỉ số chúng tôi mong chờ nhất hàng tháng là số tài khoản mở mới tại trung tâm lưu ký VSD. Số lượng trong tháng 2 ghi nhận mức tăng nhẹ với 179k tài khoản mới, nhưng đó là vì chúng ta đang so sánh với mức cao trong vòng 4 tháng qua. Nhìn chung, xu hướng nhà đầu tư cá nhân tham gia thị trường tăng trưởng theo cấp số nhân vẫn đang tiếp diễn. Chúng tôi cho rằng đây là chỉ số quan trọng vì 2 lý do – thứ nhất, hành vi giao dịch của các nhà đầu tư cá nhân, khẩu vị rủi ro cao và dòng tiền mạnh của nhóm này đã có ảnh hưởng lớn tới thị trường trong năm vừa qua. Thứ hai, việc bơm thanh khoản vào thị trường đã tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng, được tăng cường bởi mức ký quỹ kỷ lục ở các công ty chứng khoán. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn chưa nhận thấy bất kỳ điều gì đáng lo ngại về mức ký quỹ của thị trường để có thể gây ra hiệu ứng domino ảnh hưởng tới rủi ro hệ thống (bắt chấp đợt điều chỉnh sâu vào tháng 1, chúng tôi cho rằng thanh khoản thị trường vẫn tốt). Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư nên theo dõi chặt chẽ những diễn biến này trong thời gian tới, đặc biệt là về quy mô NAV trung bình của các tài khoản mở mới, cũng như mức lợi nhuận của thị trường trong môi trường với biến động cao.

Tổng số tài khoản mới mở VSD



(Nguồn: VSD, SSIAM)

CẬP NHẬT TỔNG QUAN VĨ MÔ

Nhìn chung, dữ liệu vĩ mô tháng 2 không tăng trưởng mạnh như chúng ta mong đợi, và đà tăng của tháng 1 dường như đã giảm đi khi số ca nhiễm Covid tăng. Mặc dù Covid lây lan diện rộng tại các trung tâm kinh tế, đặc biệt là Hà Nội và Sài Gòn, chúng tôi KHÔNG nhận thấy tỷ lệ nhập viện và tử vong tăng lên, nhờ tỷ lệ tiêm chủng cao. Tính đến cuối tháng 2, khoảng 91 triệu người (95% dân số) đã tiêm ít nhất 1 liều vắc xin, 76 triệu (79%) được tiêm chủng đầy đủ và 40% dân số được tiêm liều bổ sung thứ 3. Trẻ em hiện là nhóm được ưu tiên, cũng là nhóm ít bị ảnh hưởng bởi Covid và hiện đang có cuộc thảo luận chính sách về liều thứ 4 cho nhóm có nguy cơ cao (người cao tuổi với bệnh nền). Các mô hình dự báo khác nhau đều cho thấy Việt Nam sắp đạt đỉnh dịch, điều này sẽ sớm dẫn đến miễn dịch cộng đồng, cải thiện việc di chuyển và hoạt động kinh tế. Nhìn chung, chúng tôi không còn coi Covid là một vấn đề sức khỏe nghiêm trọng tại Việt Nam mà chỉ là một sự bất tiện do các vấn đề liên quan đến việc người dân phải tự cách ly. Do đó, chúng tôi kỳ vọng vào khả năng di chuyển và các hoạt động kinh tế sẽ phục hồi mạnh mẽ hơn trong Q2 và các chỉ số in vĩ mô sẽ có động lực tăng trưởng trong tương lai gần. Đặc biệt:

Doanh thu bán lẻ trong nước tăng 0,2% yoy trong tháng 2 (so với -2,3% trong tháng 1, điều chỉnh từ + 1,3%). Tuy nhiên, điều quan trọng cần chú ý là **mức tiêu thụ dịch vụ** tăng 5,9% so với cùng kỳ (từ -12,0% trong tháng 1) do nền kinh tế mở cửa trở lại. So với tháng trước, doanh thu bán lẻ giảm -7,1% trong tháng 2, nhưng điều này phần lớn là do những ngày nghỉ Tết.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng từ 2,8%yoy trong tháng 1 lên 8,5% yoy trong tháng 2, đây là một thống kê rất đáng khích lệ. Sản xuất điện thoại thông minh tăng 8,1% so với cùng kỳ (so với -8% trong tháng 1 do các nhà máy hoạt động chậm lại trước Tết) và sản xuất các linh kiện điện tử khác cũng tăng 15,4% (so với 3,2% trong tháng 1). Sản xuất máy móc và thiết bị cũng tăng 45,3% (so với 5,1% trong tháng 1). Tỷ lệ tối ưu hóa của các nhà máy OEM ở Việt Nam đã trở lại mức 95%. Về cơ bản, các nhà máy đang hoạt động gần hết công suất.

Giao dịch thương mại toàn cầu tăng mạnh trong tháng 2: Xuất khẩu tăng trở lại 13,2% so với cùng kỳ (so với 1,6% trong tháng 1), gần gấp đôi kỳ vọng của thị trường. Mặt khác, nhập khẩu cũng tăng đáng kể 21,9% so với cùng kỳ (so với 11,5% trong tháng 1) chủ yếu do giá hàng hóa cao. Thâm hụt thương mại tăng từ 0,5 tỷ đô trong tháng 1 lên 2,3 tỷ USD.

Vốn FDI đăng ký mới tăng trưởng yếu, theo chúng tôi phần lớn là do thời điểm, nhưng **vốn FDI giải ngân** (+ 7,9%) có xu hướng ổn định (so với 6,8% trong tháng 1). Trong khi đó, đầu tư công tăng 10,9% so với cùng kỳ (so với 11,6% trong tháng 1). Chúng tôi cho rằng cả đầu tư FDI lẫn đầu tư công sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ do Việt Nam đã cho phép các chuyến bay thương mại hoạt động trở lại và gói tài khóa 15 tỷ đô sẽ được giải ngân.

Vậy cuộc chiến tranh (phi nghĩa) thì sao?

Bất ổn toàn cầu gia tăng là một nguyên nhân đáng lo ngại – tuy nhiên, chúng tôi cho rằng tác động của cuộc chiến đang diễn ra lên Việt Nam sẽ hạn chế. Đặc biệt, tỷ lệ thương mại giao thương trực tiếp của Việt Nam với các thị trường Nga và Ukraine là thấp, chỉ chiếm 1,1% tổng kim ngạch xuất khẩu (chủ yếu là máy móc điện). Nhập khẩu của Việt Nam từ Nga chiếm chưa đến 1% tổng nhập khẩu, mặc dù nhập khẩu năng lượng của Việt Nam từ Nga chiếm hơn 4% tổng nhập khẩu năng lượng, nhưng một lần nữa, điều này sẽ không gây ra vấn đề đáng kể về nguồn cung cấp năng lượng. Thặng dư thương mại của Việt Nam sang Nga cũng rất thấp, chỉ 0,8 tỷ đô vào năm 2020.

Rủi ro là leo thang căng thẳng và các tác động tiềm tàng nghiêm trọng hơn đến nền kinh tế của EU. Việt Nam có tỷ trọng xuất khẩu sang Châu Âu lớn nhất với 12%, trong khi các nước ASEAN chỉ ở mức 8-9%. Điểm đáng chú ý là xuất khẩu sang Châu Âu cho đến nay tương đối kém hiệu quả, và do đó điều này có thể được bù đắp bởi các thị trường chủ chốt khác như Mỹ và Trung Quốc, những nền kinh tế mà các công ty Việt Nam đang thâm nhập tốt trong những năm gần đây.

Chiến tranh cũng đã gây ra những biến động đáng kể về giá cả hàng hóa như chúng ta đã biết. Việt Nam là nước nhập khẩu ròng dầu (dầu thô, xăng, khí đốt tự nhiên) ở mức khoảng 2,5% GDP, điều này có thể làm tăng rủi ro lạm phát và thâm hụt thương mại, làm tăng thêm chi phí nguyên liệu sản xuất công nghiệp và chế tạo. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng lên nền kinh tế vẫn còn phải được xem xét theo tình hình trong thời gian tới.

Vào thời điểm này, chúng tôi xin dành chút thời gian với tác phẩm kinh điển của [Michael Jackson & Lionel Richie \(et al\)](#) để cầu nguyện hòa bình cho một thế giới tốt đẹp hơn, không chỉ về mặt kinh tế mà còn cho toàn bộ nhân loại nói chung.

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ (% NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (USD tr)	FOL	ROA (%)	ROE (%)	YTD 2022 (%)	P/E	P/B	CTR
1	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	15,99	7402,30	0,15	17,99	2,44	0,06	14,28	2,15	0,85
2	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	14,85	7,753,83	22%	21,7	3,6	0,8%	9,80	1,9	-0,01
3	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	14,26	5,695,38	23%	23,6	2,3	19,03%	10,24	2,2	2,62
4	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	13,76	2,713,70	30%	10,8	0,7	4,3%	17,71	1,8	0,99
5	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	8,20	4,013,67	30%	23,9	2,0	-1,7%	9,54	2,0	-0,06
6	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	7,54	1,988,06	99%	22,5	6,2	-11,8%	15,00	3,2	-0,88
7	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	4,59	6,980,88	30%	15,9	1,0	-2,2%	11,30	1,7	-0,05
8	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	3,31	1501,84	1,00	34,94	9,15	-0,04	10,54	3,49	0,29
9	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	2,71	2,928,41	30%	22,6	1,9	0,03	13,17	2,6	0,07
10	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	2,65	1,783,79	30%	20,7	2,1	-8,1%	9,99	1,8	-0,25
11	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2,55	17,523,23	30%	21,4	1,6	7,2%	18,25	3,6	0,26
12	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	2,11	2,539,40	22%	23,3	1,7	-6,6%	9,49	2,0	-0,16
13	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2,06	1,194,57	5%	18,5	1,1	1,6%	9,51	1,6	0,06
14	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1,29	2,574,69	4%	16,1	1,3	-22,4%	18,73	2,7	-0,26
15	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1,14	910,53	100%	27,1	12,0	-14,3%	13,85	3,2	-0,16
16	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	0,94	3,191,90	20%	29,9	2,3	-0,8%	11,36	3,0	-0,01
17	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0,83	1,593,72	22%	22,5	2,6	-2,7%	9,52	1,7	-0,02
18	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	0,54	1,823,60	30%	5,6	0,6	0,4%	43,11	2,3	0,00
19	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0,34	9,686,58	24%	13,2	0,6	17,8%	20,91	2,7	0,07

THÔNG TIN LIÊN HỆ

SSI ASSET MANAGEMENT CO LTD

Business Development – Director

Mr. Ho Minh Tri (+84) 28 3824 2897 ext 1628 or (+84) 90 888 9669 trihm@ssi.com.vn

Portfolio Manager

Mr Bui Van Tot Tel: (+84) 4 3936 6321 ext: 1627 totbv@ssi.com.vn

SSI SECURITIES CORPORATION (SSI)

Managing Director, Institutional Brokerage

Mr. Nguyen Anh Duc (+84) 979 585658 ducna1@ssi.com.vn

MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) LIMITED LIABILITY COMPANY (MAS)

Sales Manager

Mr. Dinh Quang Thien (+84) 90 2474538 thien.dq@miraeasset.com.vn

BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY (BSC)

Head of Institutional Sales

Mr. Vu Thanh Phong (+84) 97 4740580 phongvt@bsc.com.vn

KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION (KIS)

Head of Brokerage Dept

Ms. Lam Uyen (+84) 94 4411268

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi về thông tin nhà đầu trong Phần A của Hồ Sơ Nhà Đầu Tư đã gửi SSIAM, kính đề nghị Quý Nhà Đầu Tư cập nhật cho chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quý trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quý có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.



AsianInvestor

“Asset Management Company of the Year – Vietnam” in 2012, 2014, 2021
“Fund Management Company of the Year (Onshore)” in 2015, 2016, 2017, 2018
“Best ETF Provider – Vietnam” in 2021

“Best Vietnam onshore Fund House” in 2010
“Best Asset Management Company in Vietnam” in 2015, 2016, 2017, 2018